CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 31/12/2024	7,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.2%	-	-

DT thuần
Q4/24
101
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.80| 9.4%
YoY: ▲ 2.70| 2.6%

LN thuần
Q4/24
-0.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.25| 22.3%
YoY: ▲ 1.14| 56.5%

LN sau thuế
Q4/24
-0.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.03| 4.2%
YoY: ▼0.98| -391%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-0.4%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE
2024
-2.4%
YoY: +/-▼ 4.0%

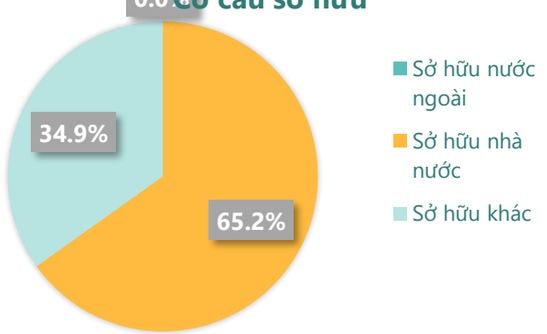
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,800 - 11,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	218
Số lượng CPLH (CP)	29,450,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	275
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	2.53
EPS	-50
P/E	-147.2

DT thuần
2024
406
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 0.3%

LN thuần
2024
-2.62
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.64| 38.5%

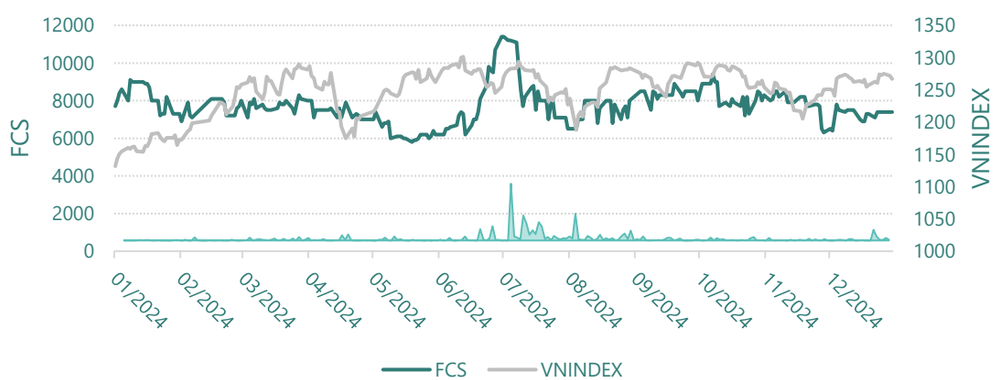
LN sau thuế
2024
-1.48
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.49| -246%

Cơ cấu sở hữu

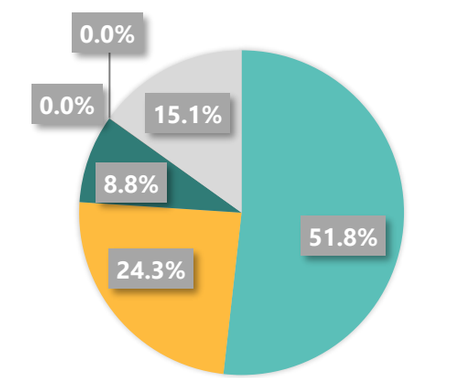


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

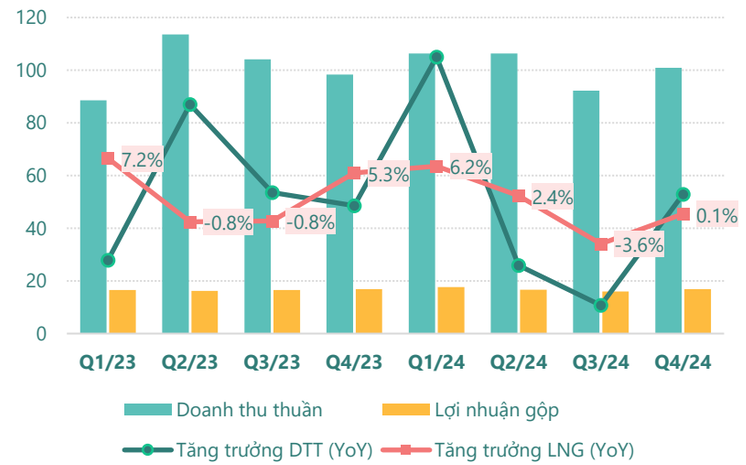




(Nguồn: fireant.vn)

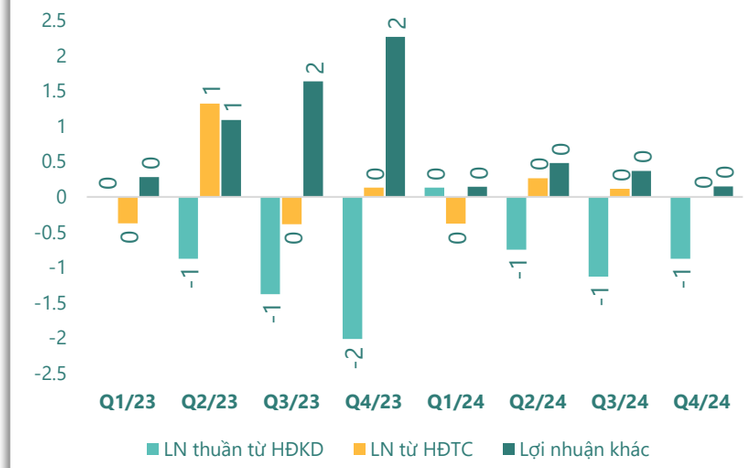
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



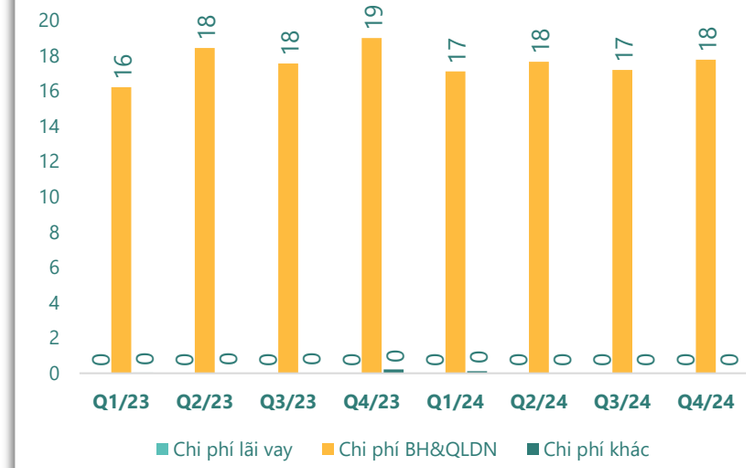
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



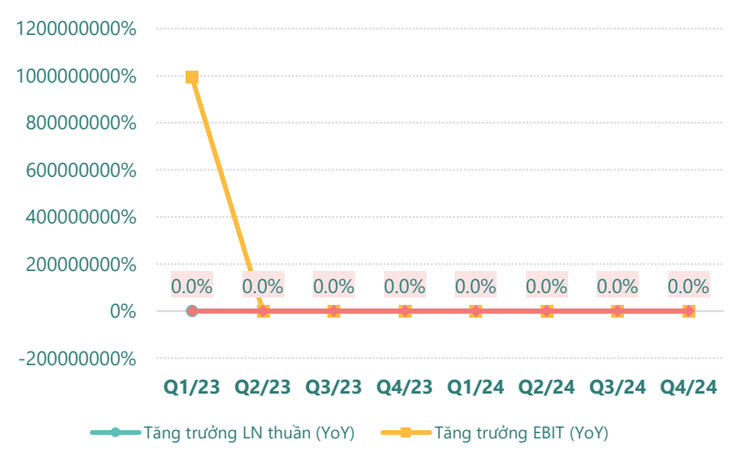
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



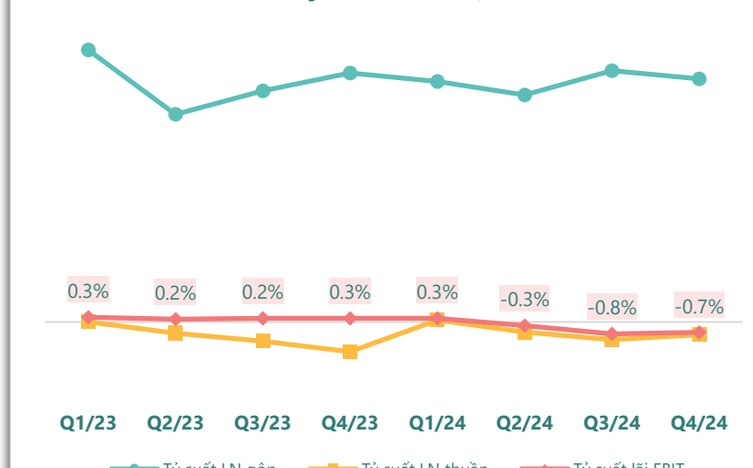
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



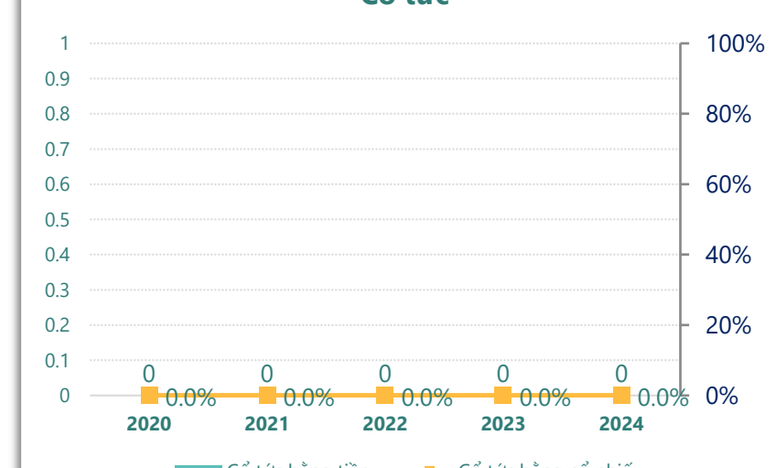
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



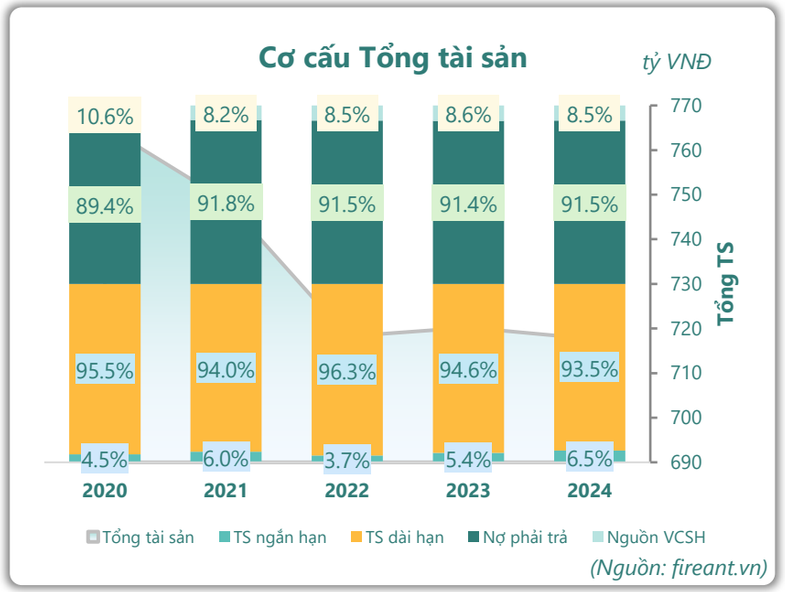
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

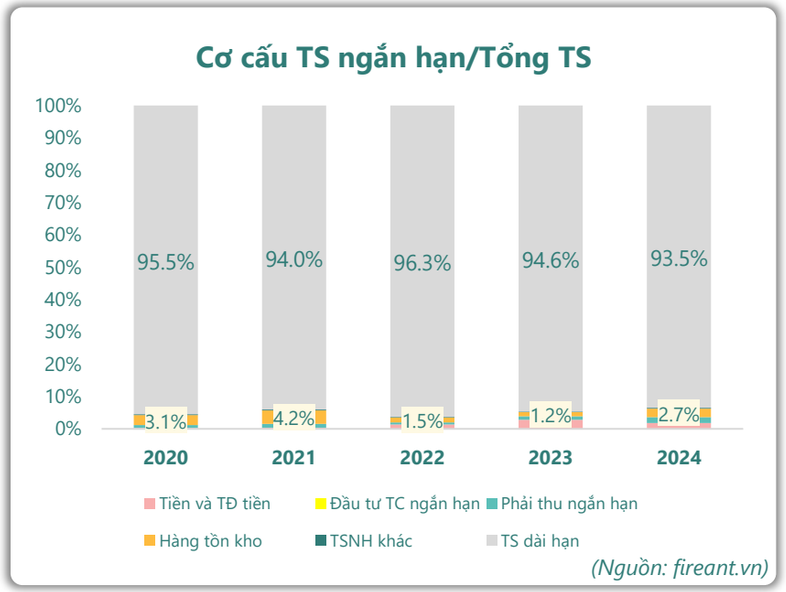


(Nguồn: fireant.vn)

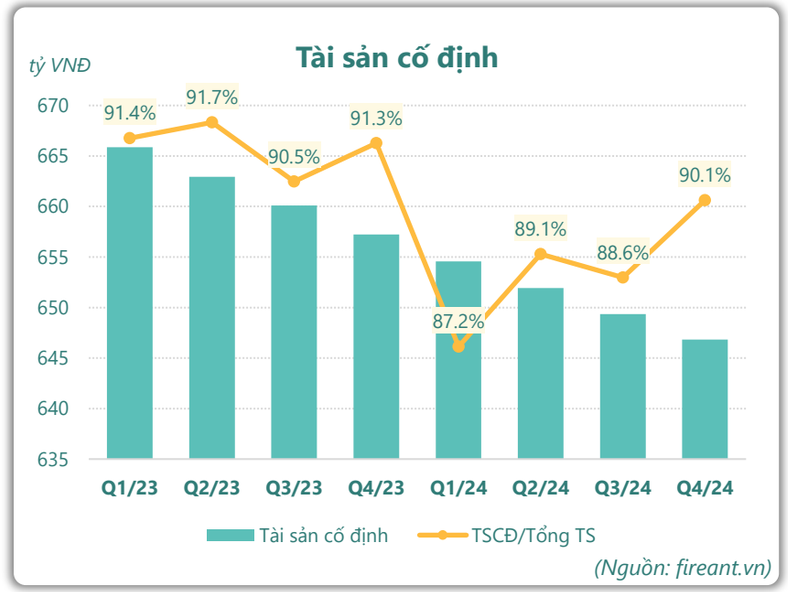
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



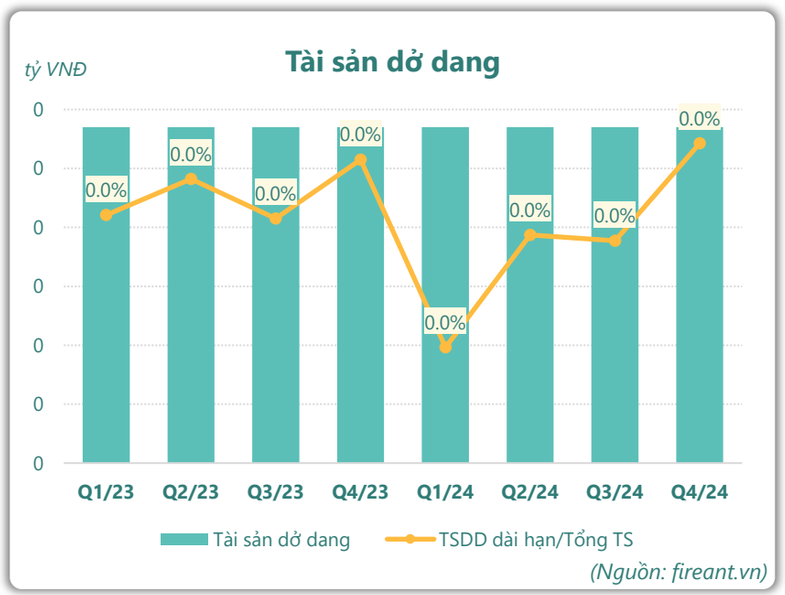
(Nguồn: fireant.vn)



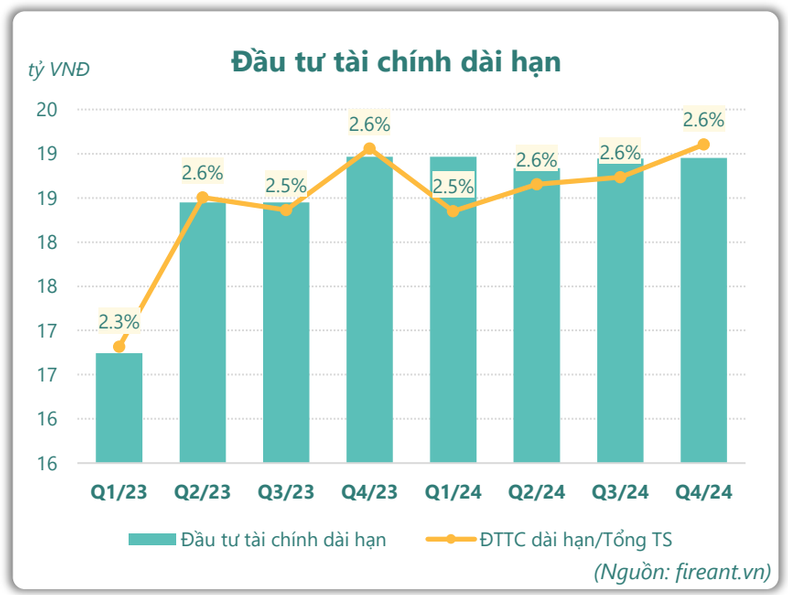
(Nguồn: fireant.vn)



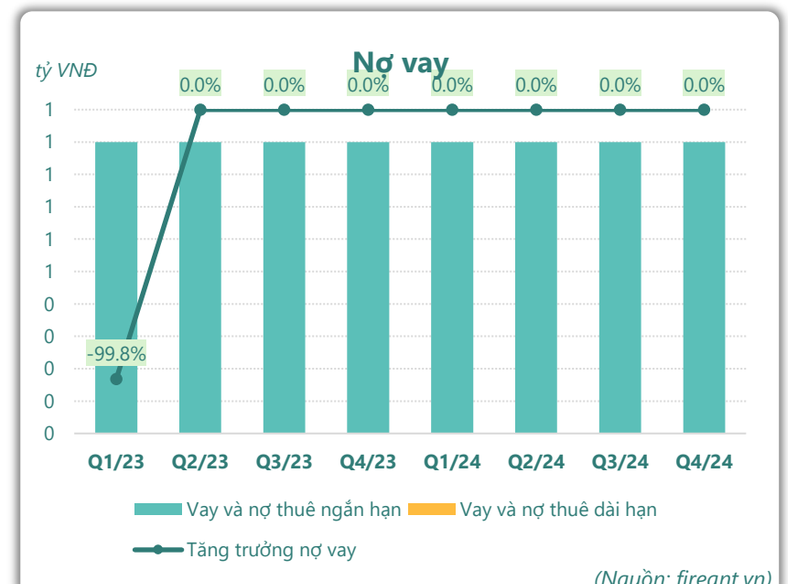
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



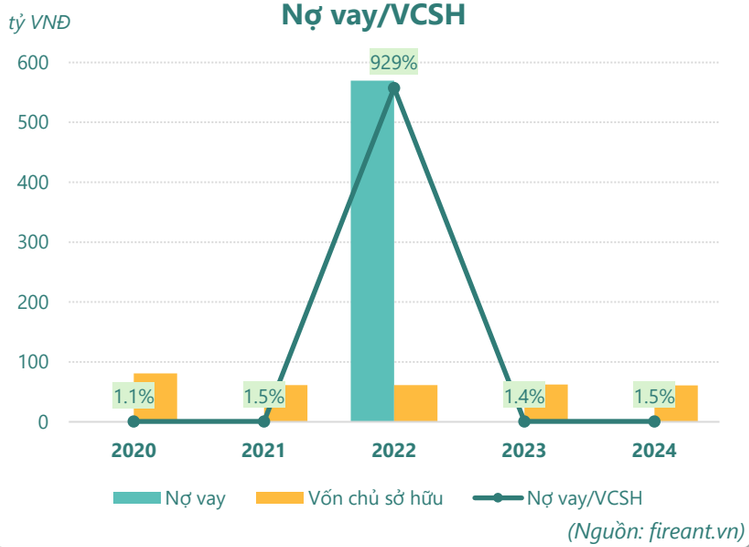
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

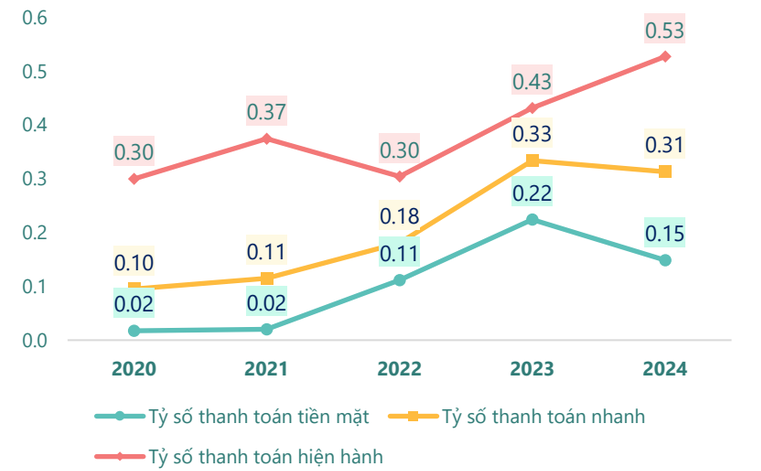
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



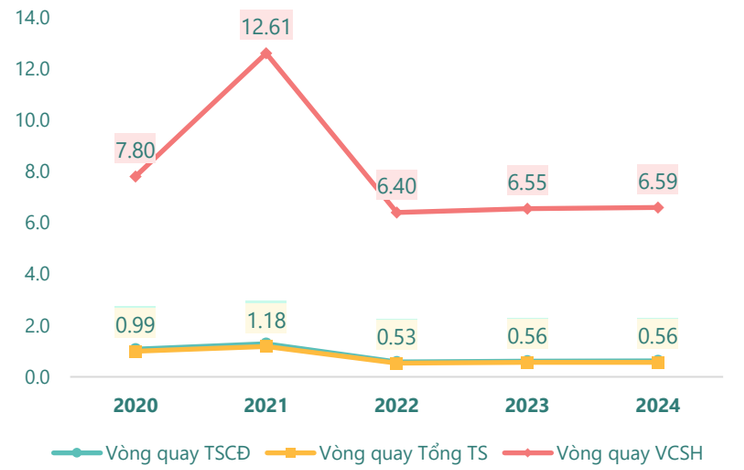
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



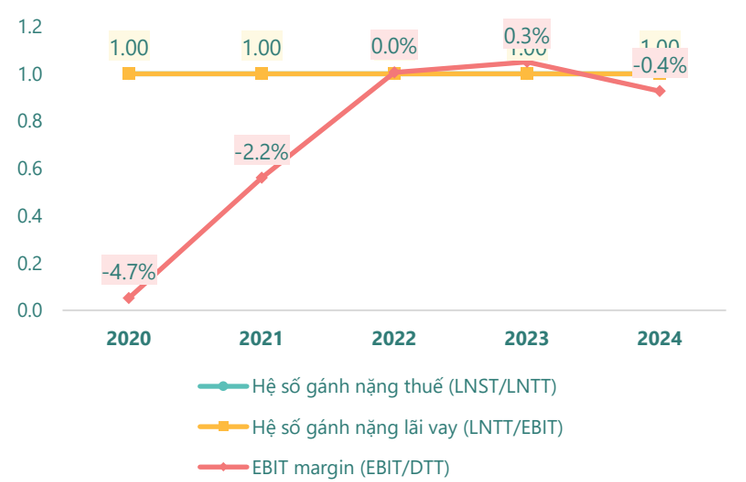
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



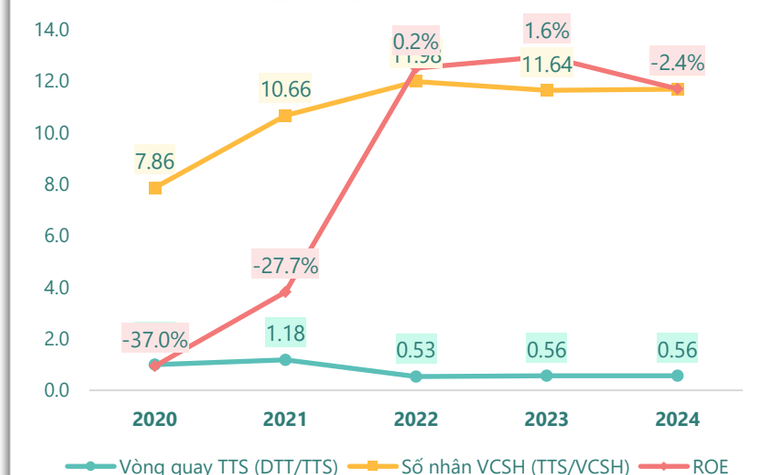
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



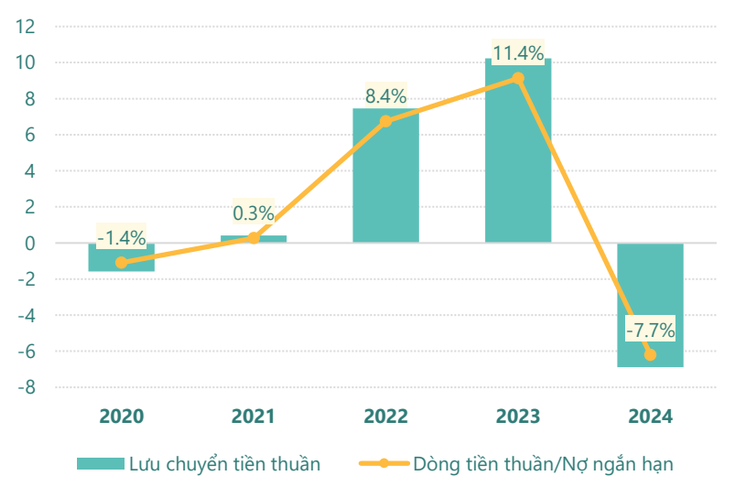
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**101**	**98.3**	**2.6%**	**406**	**405**	**0.3%**
Giá vốn hàng bán	84.0	81.4	3.2%	339	338	0.1%
Lợi nhuận gộp	16.9	16.9	-0.1%	67.1	66.3	1.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-61.5%	0.02	0.05	-55.6%
Chi phí TC	0.00	-0.12	96.7%	0.02	-0.64	103%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.86	1.96	-4.9%	7.26	6.89	5.3%
Chi phí QLDN	**15.9**	**17.1**	**-6.9%**	**62.5**	**64.3**	**-2.9%**
LN thuần từ HĐKD	-0.88	-2.02	56.5%	-2.62	-4.26	38.5%
Lợi nhuận khác	**0.15**	**2.27**	**-93.4%**	**1.14**	**5.28**	**-78.3%**
LN trước thuế	-0.73	0.25	-391%	-1.48	1.01	-246%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.73**	**0.25**	**-391%**	**-1.48**	**1.01**	**-246%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.73**	**0.25**	**-391%**	**-1.48**	**1.01**	**-246%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.2	-7.31	-9.70	-7.17	6.02	3.87
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.33	1.17	0.03	0.02	0.00	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	11.7	26.2	20.1	10.4	3.29	9.31
Lưu chuyển tiền thuần	**14.5**	**-6.14**	**-9.67**	**-7.15**	**6.02**	**3.90**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.2	20.1	10.4	3.29	9.31	13.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**718**	**720**	**-0.3%**
Tài sản ngắn hạn	46.9	38.7	21.1%
Tiền và tương đương tiền	13.2	20.1	-34.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	12.8	8.16	56.8%
Hàng tồn kho	19.0	8.79	117%
Tài sản ngắn hạn khác	1.85	1.66	11.3%
Tài sản dài hạn	**671**	**681**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	647	657	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.01	0.01	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	19.0	19.0	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**5.05**	**5.28**	**-4.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	657	658	-0.2%
Nợ ngắn hạn	**88.9**	**89.7**	**-0.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.90	0.90	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.4	25.9	2.0%
Nợ dài hạn	568	568	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**60.8**	**62.3**	**-2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**60.8**	**62.3**	**-2.4%**
Vốn điều lệ	255	255	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)